



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012**

# NỘI DUNG

<b>I. THÔNG TIN CHUNG</b> .....	<b>2</b>
1. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY .....	2
2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN .....	2
3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH .....	3
4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ .....	4
5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN .....	4
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b> .....	<b>5</b>
1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2012 .....	5
2. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2012 .....	7
3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DVSC NĂM 2012 .....	8
4. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ .....	9
5. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH .....	9
6. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU .....	10
<b>III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b> .....	<b>11</b>
1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH .....	11
2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH .....	11
3. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2013 .....	12
<b>IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	<b>13</b>
1. TÓM TẮT KẾT QUẢ KINH DOANH .....	13
2. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ .....	13
3. CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH .....	14
4. ĐỊNH HƯỚNG, CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2013 .....	14
<b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY</b> .....	<b>14</b>
1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	14
2. BAN KIỂM SOÁT .....	16
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b> .....	<b>17</b>

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

Tên gọi của Công ty	<b>Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt</b>
Tên tiếng Anh	<b>Dai Viet Securities Corporation</b>
Tên tiếng Anh viết tắt	<b>DVSC</b>
Trụ sở chính	46-48 Tôn Thất Đạm, Q1, TPHCM
Điện thoại	(84.8) 39.144.288
Fax	(84.8) 39.144.268
Website	<a href="http://www.dvsc.com.vn">www.dvsc.com.vn</a>
Email	<a href="mailto:info@dvsc.com.vn">info@dvsc.com.vn</a>
Vốn điều lệ	<b>250.000.000.000 đồng</b>
Giấy phép thành lập	15/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 28 tháng 6 năm 2006
Mã số thuế	0304407252

### 2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- |            |  |
|------------|--|
| 16/06/2006 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt (DVSC) được thành lập với vốn điều lệ 10 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004900 do Sở KH-ĐT TPHCM cấp (đăng ký lần đầu). Trụ sở chính đặt tại Lầu 3, Toà nhà StarView, 63A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q1, TPHCM. |
| 28/06/2006 | DVSC chính thức đi vào hoạt động theo Giấy phép số 15/UBCK-GPHĐKD của UBCKNN.  |
| 28/09/2006 | DVSC trở thành thành viên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TPHCM (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM - HOSE).  |
| 05/12/2006 | DVSC trở thành thành viên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - HNX).   |
| 19/12/2006 | DVSC được Sở KH-ĐT TPHCM cấp thay đổi Giấy CNĐKKD lần 1, theo đó vốn điều lệ mới của DVSC là 44 tỷ đồng.   |
| 05/02/2007 | DVSC chuyển trụ sở về Lầu 2 & 4, Toà nhà Savimex, 194 Nguyễn Công Trứ, Q1, TPHCM   |



- 02/04/2007 DVSC tăng vốn lên 250 tỷ đồng, được thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ của 1 công ty chứng khoán, gồm: Môi giới, Tự doanh, Bảo lãnh phát hành và Tư vấn.
- 04/04/2008 UBCK có Quyết định số 261/QĐ-UBCK chấp thuận cho DVSC thành lập Chi nhánh Hà Nội tại 18 Núi Trúc, Ba Đình, Hà Nội.
- 20/03/2009 UBCK có Quyết định số 218/UBCK-GP chấp thuận cho DVSC được rút bớt nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành
- 24/02/2010 DVSC chuyển Chi nhánh Hà Nội về 96 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội theo Quyết định số 130/QĐ-UBCK của UBCKNN.
- 05/09/2011 DVSC chuyển Trụ sở chính về 46-48 Tôn Thất Đạm, Q1, TPHCM theo Quyết định số 49/QĐ-UBCK ngày 24/8/2011 của UBCKNN.

### 3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

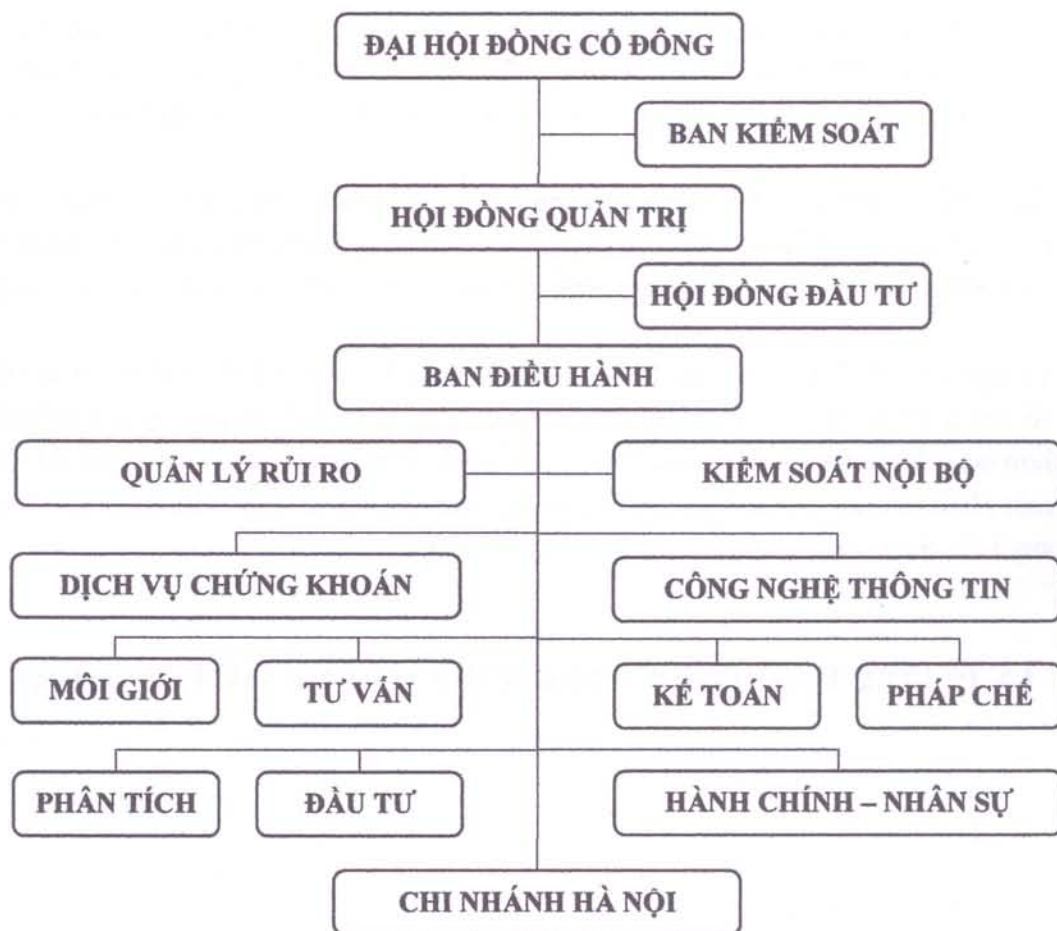
#### Ngành nghề kinh doanh

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán
- Hoạt động lưu ký chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán.

#### Địa bàn kinh doanh

- Trụ sở chính: 46-48 Tôn Thất Đạm, Q1, TP.HCM
- Chi nhánh: 96 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

#### 4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



#### 5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- ❖ **Sứ mệnh:** Tối đa hoá lợi ích của các cổ đông và khách hàng
- ❖ **Tầm nhìn:** Trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu tại Việt Nam
- ❖ **Giá trị cốt lõi:** An toàn, đạo đức và xây dựng các mối quan hệ bền chặt
- ❖ **Mục tiêu:** Tăng năng lực tài chính, phát triển sản phẩm mới, tăng cường công tác quản trị.



## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

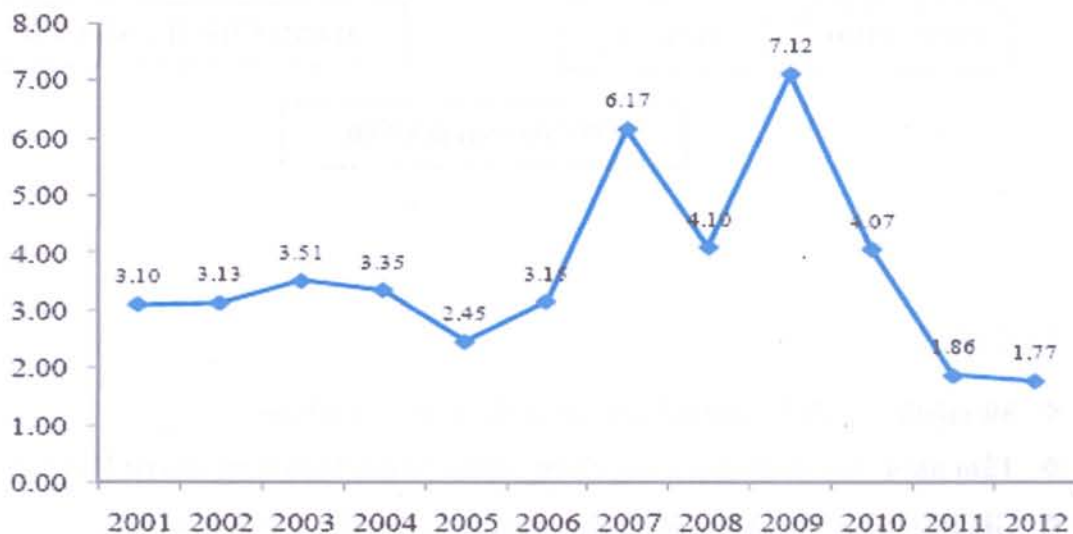
### 1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2012

Năm 2012 được xem là một năm thành công đối với Việt Nam trên phương diện ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát. Tuy nhiên, đi cùng với đó Việt Nam đã phải đối mặt với mức tăng trưởng GDP thấp nhất trong vòng 12 năm trở lại đây. Ngoài ra, tiến trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng và bước đầu giải quyết nợ xấu cũng là tâm điểm của kinh tế vĩ mô năm 2012.

Năm 2012, GDP Việt Nam **tăng trưởng 5,03%**, thấp hơn bình quân nhóm các nước đang phát triển ở Châu á (6,6%) và ASEAN-5 (5,7%). Những nguyên nhân chủ yếu dẫn tới tăng trưởng GDP thấp gồm tín dụng tăng trưởng thấp, doanh nghiệp đóng cửa nhiều và sức cầu nội địa yếu.

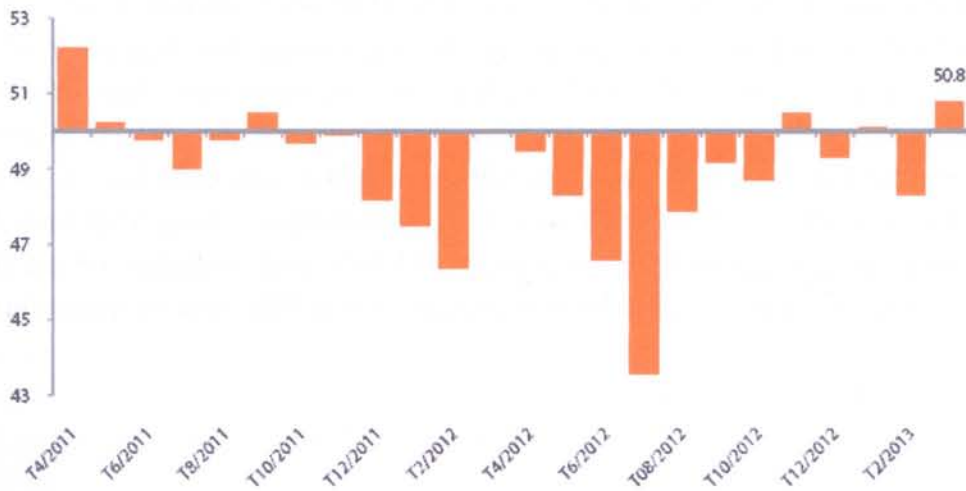
Trong năm 2012, tăng trưởng tín dụng chỉ ở mức 1 con số (8,9%), thấp xa so với mức 2 con số, thậm chí là 20-30%, của nhiều năm trước trong khi tình hình giải ngân FDI không khả quan hơn nên không thể bù đắp được khoảng trống do tăng trưởng tín dụng chậm để lại. Vì vậy, khi một nhân tố quan trọng đóng góp vào tăng trưởng kinh tế Việt Nam là nguồn vốn tín dụng bị suy kiệt, tăng trưởng kinh tế vì vậy cũng suy giảm.

#### Tỷ lệ tăng trưởng tín dụng/ tăng trưởng GDP của Việt Nam



Mặt khác, ở khía cạnh sản xuất và tiêu thụ hàng hóa, hơn 40.000 doanh nghiệp đóng cửa tính đến tháng 10 năm 2012 và theo ước tính của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), số doanh nghiệp đóng cửa trong 2 năm 2011 và 2012 lên đến khoảng 100.000 doanh nghiệp, tương đương với phân nửa số doanh nghiệp đóng cửa trong 20 năm kể từ ngày có Luật Doanh Nghiệp. Chỉ số sản xuất PMI do HSBC cung cấp cho thấy nhiều tháng liền các chỉ số

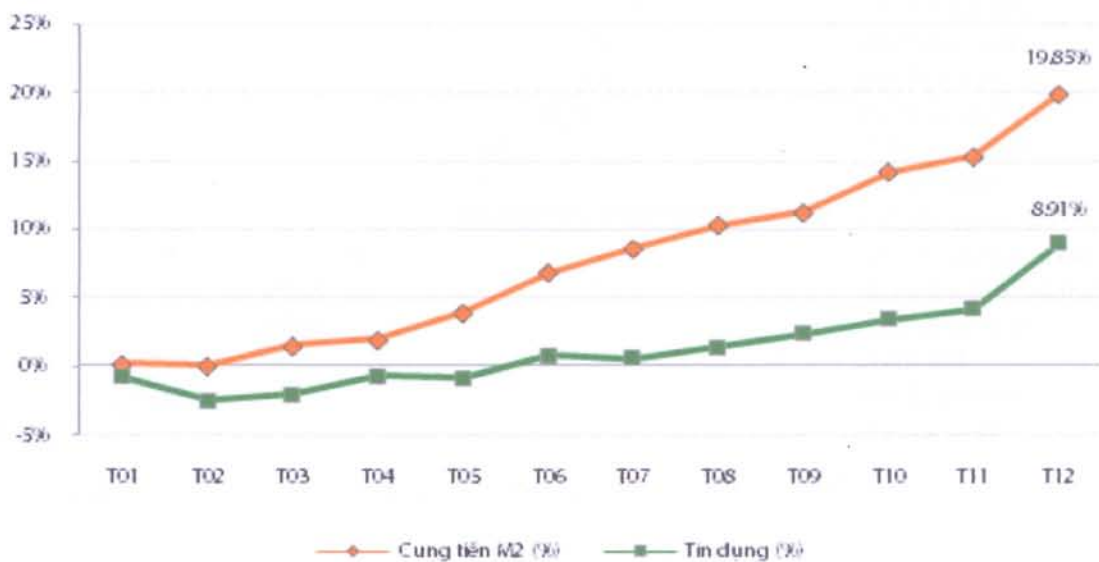
này ở mức dưới 50, đặc biệt là giai đoạn nửa đầu năm 2012 cho thấy sự sụt giảm mạnh mẽ của khu vực sản xuất công nghiệp ở Việt Nam.



Hình 2. Chỉ số sản xuất PMI Việt Nam

Nguồn: Markit, HSBC

Do nợ xấu tăng và yêu cầu thắt chặt kiểm soát rủi ro ở các ngân hàng nên nhiều ngân hàng hạn chế cho vay, dẫn đến tăng trưởng tín dụng của cả năm 2012 ở mức thấp, mặc dù lượng cung tiền được bơm ra không thấp. Theo ước tính của Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR) và Ngân hàng Nhà nước, tăng trưởng cung tiền M2 của năm 2012 được ước tính tăng 19,85% cao hơn mức tăng 14,6% của năm 2011 tuy nhiên tăng trưởng tín dụng tính cả trái phiếu doanh nghiệp chỉ tăng 8,91%. Mặt khác, khó khăn về sức cầu trong nước lẫn nước ngoài và sự khó lường của môi trường kinh doanh cũng khiến các doanh nghiệp không muốn hoặc không thể vay được tiền từ ngân hàng ở mặt bằng lãi suất hiện tại. Vì vậy, nỗ lực giảm lãi suất của Ngân hàng nhà nước trong năm 2012 tỏ ra ít có tác dụng đối với việc kích thích tăng trưởng tín dụng.



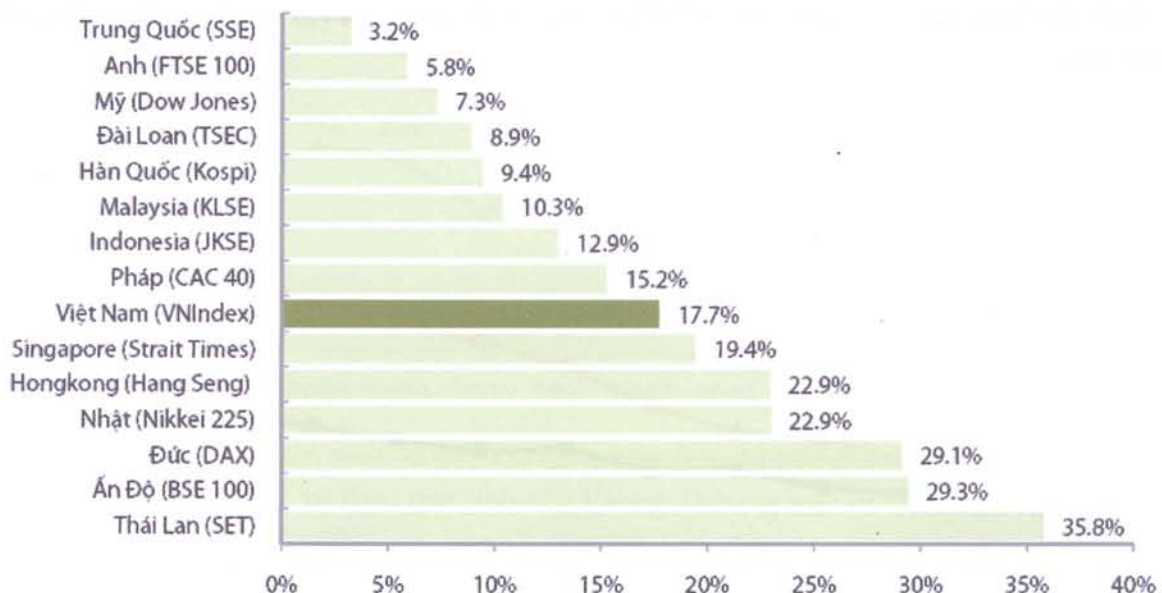


Điểm sáng hiếm hoi của kinh tế Việt Nam năm 2012 là lạm phát và thặng dư thương mại. Lạm phát là nỗi lo của Việt Nam trong vài năm gần đây khi luôn tiệm cận 2 con số. Do vậy, mức lạm phát 6,81% của năm 2012 là một tín hiệu tốt. Tuy nhiên với tỷ trọng hơn 39,9% trong giỏ hàng hóa tính CPI thì một sự gia tăng trở lại của chỉ số giá lương thực-thực phẩm sẽ dẫn đến lạm phát tăng trở lại. Vì vậy, có thể nói, lạm phát năm 2012 chỉ ở mức chấp nhận được chứ chưa phải là tín hiệu đáng mừng. Tương tự, thặng dư thương mại năm 2012 là điều hiếm hoi sau nhiều năm liên tiếp thâm hụt. Tuy nhiên, kết quả này là do suy giảm kinh tế và sức mua nội địa hơn là phản ánh sự cải thiện thật sự của sức cạnh tranh của hàng Việt Nam. Dù vậy, thặng dư thương mại giúp giảm sức ép lên tỷ giá USD/VND và sự ổn định của tỷ giá tạo thuận lợi cho việc duy trì tính hấp dẫn của kênh tiền gửi tiết kiệm ở Việt Nam và giảm nhu cầu tích trữ USD.

## 2. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2012

Năm 2012, bối cảnh kinh tế có nhiều điểm tích cực cho doanh nghiệp và nhà đầu tư như lạm phát, tỷ giá được kiểm soát, thanh khoản hệ thống ngân hàng được cải thiện và mặt bằng lãi suất đã gần về mức hợp lý. Tuy nhiên do bị cạnh tranh mạnh bởi kênh gửi tiết kiệm và kênh đầu tư trái phiếu nên dòng tiền vào thị trường chưa thực sự được cải thiện. Mức tăng tích cực của VnIndex có nguyên nhân chính từ nhóm các cổ phiếu vốn hóa lớn, nhóm này duy trì được sự ổn định về kết quả kinh doanh và tích cực về diễn biến giá trong năm vừa qua.

Năm 2012, thị trường chứng khoán trải qua hai cung bậc rõ nét: thời kỳ hy vọng từ đầu năm đến đầu tháng 05 và sau đó là thời kỳ suy giảm kéo dài hơn 7 tháng cho đến gần cuối năm. Tuy nhiên, đợt tăng điểm trọn vẹn trong tháng 12 đã giúp cho VNIndex kết thúc năm 2012 ở mức 413,73 điểm, tăng 17,69% so với cuối năm 2011; ngược lại, HNIIndex chốt năm giảm nhẹ 2,81% so với cuối năm 2011, còn 57,09 điểm.



Hình 13. Thay đổi của một số chỉ số thế giới trong năm 2012



Thị trường chứng khoán năm 2012 chia làm 3 giai đoạn:

**Giai đoạn 1 (03/01 – 10/05/2012): Tăng trưởng mạnh**

Từ mức đáy 336,73 được VNIndex thiết lập vào ngày 06/01/2012, thị trường đảo chiều tăng trưởng đầy bất ngờ và ấn tượng. Đợt tăng điểm của giai đoạn này được thúc đẩy bởi niềm tin của giới đầu tư khi Nghị quyết 11 bước đầu có kết quả, lạm phát từ mức trên 18% cuối năm 2011 được nhanh chóng đưa về dưới một con số, nhờ đó Ngân hàng Nhà nước tiến hành hạ trần lãi suất huy động, khơi thông dòng vốn cho các lĩnh vực ưu tiên, và quyết tâm tái cơ cấu nền kinh tế được bộc lộ mạnh mẽ. Mức đỉnh của thị trường được thiết lập ngày 08/05 đối với VNIndex là 488,07 điểm, tăng 39,4% so với đầu năm; HNIIndex lập đỉnh ngày 09/05 tại mức 83,76 điểm, tăng 47,5% so với đầu năm.

**Giai đoạn 2 (11/05 – 30/11/2012): Điều chỉnh sâu**

Sau giai đoạn khởi sắc đầu năm, thị trường bước vào đợt điều chỉnh sâu và kéo dài bởi diễn biến vĩ mô không đạt được kết quả tương xứng trước những nỗ lực của cơ quan điều hành, thêm vào đó là những thông tin tiêu cực liên quan đến các vụ bắt giữ các lãnh đạo một số ngân hàng lớn đã gây ra sự hoang mang cực độ vào thời điểm gần cuối tháng 8 cho các nhà đầu tư. Hoạt động bán tháo diễn ra trên diện rộng khiến các chỉ số tiếp tục lao dốc và kết thúc giai đoạn này với mức thanh khoản gần như cạn kiệt.

**Giai đoạn 3 (01/12 - 28/12): Khởi động một chu kỳ tăng điểm trở lại nhờ các tin tức giải cứu, hỗ trợ**

Trong tháng cuối năm 2012, tâm lý nhà đầu tư ổn định trở lại và kỳ vọng mới được hình thành nhờ tín hiệu cải thiện của hoạt động sản xuất, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục giảm thêm 1% điểm lãi suất, đáng chú ý nhất là gói giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường bất động sản và đẩy nhanh tiến trình giải quyết nợ xấu. Các chỉ số phục hồi mạnh mẽ, VNIndex tăng 9,5% và HNIIndex tăng 11,8% chỉ trong 1 tháng.

### 3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DVSC NĂM 2012

*ĐVT: Triệu VNĐ*

Chỉ tiêu	TH 2012	KH 2012	TH 2011	% TH 2012	
				sv. KH 2012	sv. TH 2011
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>18,578</b>	<b>59,877</b>	<b>21,544</b>	<b>31.0%</b>	<b>86%</b>
Doanh thu phí môi giới	5,241	9,494	2,433	55.2%	215%
Doanh thu hoạt động đầu tư	2,162	2,233	6,945	96.8%	31%
Doanh thu phí tư vấn	33	498	378	6.6%	9%
Doanh thu khác	11,142	47,652	11,788	23.4%	95%
<b>Tổng chi phí</b>	<b>15,194</b>	<b>55,905</b>	<b>78,934</b>	<b>27.2%</b>	<b>19%</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>3,383</b>	<b>3,972</b>	<b>-57,390</b>	<b>85.2%</b>	



- **Doanh thu:** Tổng doanh thu của Công ty năm 2012 là 18,5 tỷ đồng, đạt 31% kế hoạch. Doanh thu môi giới đạt hơn 5,2 tỷ đồng, bằng 55% kế hoạch, nhưng hơn 2 lần so với năm 2011. Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn năm 2012 là 2,2 tỷ đồng, bằng 96,8% kế hoạch. Việc tái cơ cấu danh mục trong năm 2012 cũng đã giúp đảm bảo tính thanh khoản, bổ sung nguồn lực tài chính cho Công ty.
- **Chi phí:** Tổng chi phí của Công ty năm 2012 là 15,2 tỷ đồng, chỉ bằng 27,2% mức chi tiêu đề ra.
- **Lợi nhuận:** Lợi nhuận trước thuế của Công ty năm 2012 là 3,4 tỷ đồng, đạt 85,2% kế hoạch.

#### 4. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- **Ban điều hành:** Bà Hoàng Thị Tâm - Tổng giám đốc  
 Bà Hoàng Thị Tâm sinh ngày 13/06/1980, được bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc từ ngày 15/04/2011. Trước đó bà Tâm là Phó phòng Giao dịch tại Hội sở. Trước khi về DVSC, bà Tâm từng giữ chức vụ quản lý tại Công ty Chứng khoán Sacombank (SBS).  
 Bà Tâm tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế (khoa Kinh doanh tiền tệ) và có bằng Thạc sỹ quản trị kinh doanh trường Nelson Mandela Metropolitan University.
- **Kế toán trưởng:** Bà Trần Thị Rõng  
 Bà Trần Thị Rõng sinh ngày 19/05/1966, được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng từ tháng 01/2010. Trước đó bà Rõng đã làm việc ở Legamex với nhiều chức vụ khác nhau như Cán bộ thuế phòng kế toán, Thành viên BKS, Kế toán trưởng XN Lega4, Nhân viên thống kê... Tại Công ty TNHH Thanh Hoà bà Rõng giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc. Bà Rõng có bằng Cử nhân chuyên ngành Tài chính Kế toán.
- **Nhân viên:** tình hình nhân sự tại DVSC trong năm 2012 tương đối ổn định. Tổng số nhân viên của Công ty đến cuối năm 2012 là 57 người, giảm 7 người so với đầu năm.

#### 5. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

##### a. Tình hình tài chính

*DVT: Triệu VNĐ*

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	499,598	566,143	-12%
Doanh thu thuần	18,561	21,537	-14%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3,354	-57,422	
Lợi nhuận khác	29	32	-9%
Lợi nhuận trước thuế	3,383	-57,390	



**b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1.21	1.09
Hệ số thanh toán nhanh:	1.21	1.09
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.57	0.62
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.30	1.65
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.04	0.04
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.18	(2.66)
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.02	(0.27)
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.01	(0.10)
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.18	(2.67)

**6. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Cổ đông của Công ty trong năm 2012 không có nhiều thay đổi. Tại thời điểm ngày 31/12/2012, Công ty có vốn điều lệ là 250 tỷ đồng, tương ứng với 25 triệu cổ phần (CP) được nắm giữ bởi 598 cổ đông, trong đó 12 cổ đông nước ngoài nắm tổng cộng 262.000 CP (*chiếm 1,05%*). Tổng cộng có 11 cổ đông là tổ chức (*10 trong nước và 1 nước ngoài*), còn lại toàn bộ là cá nhân. Số cổ đông nắm giữ từ 5% vốn trở lên là 9 với số CP nắm giữ là 18.457.651, chiếm 73,8%. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm cuối năm 2012 như sau:

Cổ đông	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
	Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ
Tổ chức	8,189,150	32.76%	150,000	0.60%	8,339,150	33.36%
Cá nhân	16,548,850	66.20%	112,000	0.45%	16,660,850	66.64%
<b>Tổng cộng</b>	<b>24,738,000</b>	<b>98.95%</b>	<b>262,000</b>	<b>1.05%</b>	<b>25,000,000</b>	<b>100.00%</b>

Cổ đông (CĐ)	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
	Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ
CĐ nắm giữ trên 5%	18,457,651	73.83%	-	0.00%	18,457,651	73.83%
CĐ nắm giữ 1% -5%	1,000,500	4.00%	-	0.00%	1,000,500	4.00%
CĐ nắm giữ dưới 1%	5,279,849	21.12%	262,000	1.05%	5,541,849	22.17%
<b>Tổng cộng</b>	<b>24,738,000</b>	<b>98.95%</b>	<b>262,000</b>	<b>1.05%</b>	<b>25,000,000</b>	<b>100.00%</b>

### III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	Thực hiện 2011
Thị phần	1.0%	1.1%	0.4%
Lợi nhuận	3,972	3,383	-57,390

Năm 2012, DVSC đạt mức lợi nhuận là 3,38 tỷ đồng đạt 85% kế hoạch, tuy nhiên thị phần của DVSC đã hoàn thành vượt chỉ tiêu đề ra của Đại hội đồng cổ đông vào năm 2012 và đã tăng hơn 2 lần so với năm 2011, cho thấy công ty đã có những bước đi đúng hướng trong việc phát triển kinh doanh của mình.

Bên cạnh đó việc quản lý chi tiêu một cách chặt chẽ, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng được đảm bảo, nhân sự không có nhiều biến động, góp phần duy trì hoạt động của Công ty một cách ổn định.

#### 2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

DVT: Triệu VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện		Thay đổi	
	2012	2011	Giá trị	%
Tài sản ngắn hạn	342,512	384,281	-41,770	-10.9%
Tài sản dài hạn	157,086	181,862	-24,776	-13.6%
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>499,598</b>	<b>566,143</b>	<b>-66,545</b>	<b>-11.8%</b>
Nợ phải trả	282,790	352,719	-69,929	-19.8%
Vốn chủ sở hữu	216,808	213,424	3,383	1.6%
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>499,598</b>	<b>566,143</b>	<b>-66,545</b>	<b>-11.8%</b>



Chỉ tiêu	2012	2011
Tái sản ngắn hạn/Tổng Tài sản	68.6%	67.9%
Tái sản dài hạn/Tổng Tài sản	31.4%	32.1%
Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn	56.6%	62.3%
Vốn chủ sở hữu/Tổng Nguồn vốn	43.4%	37.7%

### 3. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2013

#### Triển vọng kinh tế

Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay được dự đoán sẽ giảm đáng kể so với năm 2012, giảm bớt phần nào áp lực lãi vay đối với các doanh nghiệp. Lạm phát thấp và cán cân thanh toán được cải thiện cho thấy vĩ mô của Việt Nam đang dần ổn định.

Trong năm 2013 Chính phủ đã có những giải pháp để tháo gỡ tình trạng khó khăn cho nền kinh tế, giải quyết nợ xấu, tiếp tục hạ lãi suất và giữ ổn định vĩ mô. Dự kiến tăng trưởng GDP năm 2013 sẽ ở mức 5.2-5.3% cao hơn mức 5.03% của năm 2012.

Tuy nhiên, theo đánh giá của HSBC quá trình phục hồi kinh tế của Việt Nam hết sức mong manh và tiếp tục bị nhu cầu yếu kém ở trong nước trì kéo. Tình trạng việc làm và sản lượng trong lĩnh vực sản xuất đều giảm đã miêu tả tổng thể nền kinh tế Việt Nam.

#### Dự báo thị trường chứng khoán năm 2013

Trong năm 2012 có đến 55.000 doanh nghiệp tuyên bố phá sản và giải thể, và dự đoán con số này sẽ tiếp tục tăng trong năm 2013 cho thấy bức tranh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn rất khó khăn. Dòng vốn ngoại chảy vào thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời gian qua cũng đã có dấu hiệu chững lại.

Tuy nhiên, những chính sách vĩ mô của chính phủ cũng đã mang lại những kỳ vọng mới cho nhà đầu tư trong nước cũng như nhà đầu tư nước ngoài. Các thông tin tích cực như lạm phát hạ nhiệt, lãi suất trong xu hướng giảm, tỷ giá ổn định, thành lập VAMC, và các giải pháp phá băng bất động sản ... sẽ có những tác động tích cực nhất định đến thị trường.

#### Chỉ tiêu kế hoạch 2013

Năm 2013, DVSC phấn đấu đạt mức thị phần là 1,2%, đặt kế hoạch tổng doanh thu khoảng 30 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế gần 5 tỷ đồng.

- Môi giới: đặt mục tiêu cho việc duy trì và phát triển thị phần, chăm sóc khách hàng là nhiệm vụ được ưu tiên hàng đầu.
- Công nghệ thông tin: chuẩn hóa hệ thống, phát triển phần mềm ứng dụng và các tiện ích mới, đảm bảo tính an toàn và hiệu quả;
- Phân tích: báo cáo phân tích và dự báo xu hướng thị trường giúp nhà đầu tư cập nhật thông tin và đưa ra quyết định đúng đắn và kịp thời;
- Sản phẩm tư vấn đầu tư: hỗ trợ nhà đầu tư đánh giá cơ hội thị trường và xây dựng mục tiêu đầu tư phù hợp với khả năng tài chính và chấp nhận rủi ro của nhà đầu tư;
- Sản phẩm tài chính: tăng năng lực tài chính và tăng cường liên kết với các đối tác nhằm



hỗ trợ tài chính cho các nhà đầu tư;

- Tụ doanh: tái cơ cấu danh mục hiện có nhằm tạo thanh khoản và bổ sung vốn cho các hoạt động khác của Công ty.
- Các công tác khác: xây dựng các quy chế, quy trình và quy định nhằm giúp Công ty hoạt động an toàn; Đẩy mạnh công tác xử lý thu hồi nợ, hạn chế tối đa nợ xấu mới phát sinh; Điều chỉnh các chế độ dành cho nhân viên phù hợp với tình hình thị trường;

## IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. TÓM TẮT KẾT QUẢ KINH DOANH

*ĐVT: Triệu VNĐ*

Chỉ tiêu	TH 2012	KH 2012	TH 2011	% TH	% TH
				2012 sv. KH 2012	2012 sv. TH 2011
<b>Thị phần</b>	1.08%	1.00%	0.42%		
<b>Tổng doanh thu</b>	18,578	59,877	21,544	31.0%	86%
<b>Tổng chi phí</b>	15,194	55,905	78,934	27.2%	19%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	3,383	3,972	-57,390	85.2%	

### 2. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

Trong năm 2012, Hội đồng quản trị đã họp 4 phiên để xem xét và đánh giá tình hình hoạt động của Công ty, đồng thời chỉ đạo, đưa ra các định hướng và quyết định kịp thời, ổn định bộ máy và các mặt hoạt động.

- Thay mới hệ thống giao dịch, mau chóng ổn định hệ thống nhằm tránh phát sinh lỗi kỹ thuật, phát triển hệ thống phần mềm với cơ chế quản lý rủi ro chặt chẽ hơn, khả năng xử lý tự động tránh phát sinh nợ xấu.
- Tái cơ cấu danh mục đầu tư, tạo nguồn vốn để phát triển kinh doanh đồng thời đảm bảo tính thanh khoản của hệ thống;
- Đánh giá lại các dư nợ tồn đọng của khách hàng, đưa ra các biện pháp xử lý nhằm thu hồi vốn;
- Đưa ra các quyết định quan trọng và kịp thời về tài chính, cơ cấu tổ chức và nhân sự.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, Hội đồng quản trị ghi nhận vẫn còn những mặt hạn chế:

- Lợi nhuận chưa đạt chỉ tiêu đề ra. Nguyên nhân chủ yếu là do thị trường vẫn còn nhiều khó khăn, hoạt động môi giới dù đã tăng trưởng đáng kể so với năm 2011 nhưng vẫn chưa được như mong đợi.



- Chính sách nhân sự, đãi ngộ đối với nhân viên chưa phù hợp khiến Công ty gặp khó khăn trong việc giữ chân và thu hút nhân tài.

### 3. CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị giám sát thường xuyên công tác điều hành của Tổng giám đốc thông qua các chế độ báo cáo và giải trình trực tiếp. Công tác giám sát, trong nhiều trường hợp, còn được phối hợp với Ban kiểm soát một cách hiệu quả.

Trong năm, Tổng giám đốc đã tập trung giải quyết vấn đề thanh khoản, tìm kiếm nguồn vốn, xử lý nợ và tái cơ cấu danh mục đầu tư. Ban điều hành đã điều hành Công ty một cách có trách nhiệm và tiết kiệm.

### 4. ĐỊNH HƯỚNG, CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2013

Kinh tế Việt Nam trong những tháng đầu năm 2013 đã có những điểm sáng nhất định như dự trữ ngoại hối được cải thiện, lạm phát ở mức vừa phải, tỷ giá ổn định, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay đã giảm đáng kể. Tuy nhiên, tình trạng thất nghiệp và giải thể doanh nghiệp cho thấy quá trình phục hồi kinh tế của Việt Nam hết sức mong manh.

Trước tình hình đó, năm 2013 Hội đồng quản trị đặt trọng tâm vào nâng cao năng lực tài chính; ổn định hệ thống, phát triển thêm nhiều tiện ích mới cho khách hàng; nghiên cứu giới thiệu nhiều sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư. Về kết quả kinh doanh, dự kiến đạt lợi nhuận khoảng 5 tỷ đồng trong năm 2013.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### **Ông Hứa Xường - Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ông Xường sinh ngày 03/08/1952. Ông Xường hiện là thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đại Tín (TrustBank). Trước khi trở thành thành viên Hội đồng quản trị TrustBank vào tháng 12/2008, ông Xường là thành viên BKS của ngân hàng này, từng là TGD Công ty TNHH Phú Mỹ và là thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng TMCP Sài Gòn, Công ty CP Đầu tư Phát triển Phú Mỹ, Công ty Lam Giang ...

Ông Xường tốt nghiệp Đại học Khoa học Sài Gòn và đã trải qua các khoá đào tạo về CFO, CEO, kinh doanh địa ốc, nghiệp vụ kế toán-tài chính-ngân hàng... Ông Xường trở thành Chủ tịch Hội đồng quản trị của DVSC ngày 26/9/2009.

#### **Ông Đỗ Hoàng Linh - Thành viên Hội đồng quản trị**

Ông Linh sinh ngày 04/06/1970. Ông hiện là Phó Tổng giám đốc TrustBank. Trước khi về ngân hàng này, ông Linh làm Phó TGD Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn-Thái Sơn từ tháng 6/2008-4/2009. Trước đó, ông Linh làm Trưởng phòng Nghiên cứu-Phát triển Ngân



hàng TMCP Việt Á.

Ông Linh tốt nghiệp Đại học Ngân hàng và Đại học Kinh tế TPHCM. Ông Linh đã tham gia nhiều khoá đào tạo khác như: khoá đào tạo Giám đốc Kinh doanh của Viện Nghiên cứu Kinh tế Phát triển, khoá đào tạo về TTCK của Ngân hàng Nhà nước, khoá đào tạo về nghiệp vụ tài trợ thương mại của HSBC, khoá đào tạo về Quản lý rủi ro ngân hàng của Bank Training Co. Ltd. (BTC) và khoá đào tạo về kỹ năng tiếp thị trên mạng của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

**Bà Ngô Nguyễn Đoàn Trang - Thành viên Hội đồng quản trị**

Bà Trang sinh ngày 02/01/1982. Bà hiện là Phó Tổng giám đốc TrustBank. Bà từng là Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Liên doanh Asia Phú Mỹ.

Bà Trang tốt nghiệp Đại học Wales (Singapore) với bằng Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng, Đại học Portsmouth (Singapore) với bằng Cử nhân Thương mại điện tử, Cao đẳng tại trường Đại học MDIS về Quản lý điều hành và Cao đẳng tại trường Đại học Infomatics (Singapore) về Công nghệ thông tin. Bà Trang có bằng Tiến sỹ Quản trị kinh doanh.

**Ông Ngô Trí Đức - Thành viên Hội đồng quản trị**

Ông Đức sinh ngày 12/11/1974. Ông hiện là Phó TGD kiêm Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn TrustBank. Trước đây ông Đức từng là chuyên viên Phòng Quản lý Ngoại hối NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC-Chi nhánh TPHCM, GD Phòng giao dịch Hoàng Văn Thụ và GD Chi nhánh Q.5 Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB Bank).

Ông Đức tốt nghiệp các trường Đại học Ngân hàng, Đại học Kinh tế và Học viện Hành chính Quốc gia.

**Bà Trịnh Thị Tuyết Minh - Thành viên Hội đồng quản trị**

Bà Minh sinh ngày 13/08/1962. Bà hiện là Phó TGD Tổng Công ty Bia-Rượu-NGK Sài Gòn (Sabeco), Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung, thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Thủy Điện Miền Nam. Bà Minh từng là Kế toán trưởng Sabeco, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn-Phú Yên.

Bà Minh tốt nghiệp Khoa Kinh tế Công nghiệp và Khoa Quản trị Kinh doanh Đại học Kinh tế TPHCM.

**Bà Lê Thị Bích Thủy - Thành viên Hội đồng quản trị**

Bà Thủy sinh ngày 24/11/1967. Bà hiện là Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Song Minh Thủy, Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty TNHH Bích Thủy, Chủ tịch HĐQT Rainbow School. Bà Thủy từng là Kiểm soát viên VPBank, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Đại Á Bank...

Bà Thủy tốt nghiệp khoa Nga, Đại học Ngoại ngữ Quốc gia Hà Nội, và ngành Kinh tế Ngoại thương Đại học Ngoại Thương Hà Nội.

**Ông Nguyễn Thành Duy - Thành viên Hội đồng quản trị**

Ông Duy sinh ngày 15/02/1955. Ông hiện là Chủ tịch kiêm TGD Công ty Điện Lực 2, Chủ



tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Thủy Điện Miền Nam và Công ty CP Thủy Điện Miền Trung.

Ông Duy tốt nghiệp Đại học Bách Khoa TPHCM chuyên ngành Điện.

## **2. BAN KIỂM SOÁT**

### **Ông Hoàng Văn Tự - Trưởng Ban Kiểm soát**

Ông Tự là Phó Tổng giám đốc của DVSC từ tháng 5/2008, sau đó được bổ nhiệm Quyền Tổng giám đốc từ tháng 11/2008. Tháng 8/2010, ông Tự thôi giữ chức Quyền Tổng giám đốc và được bổ nhiệm làm Cố vấn Hội đồng quản trị.

Trước khi về DVSC, ông Tự là Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Nam và Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đồng Tháp...

Ông Tự tốt nghiệp Ngành Kinh tế, Thương mại Đại học Vạn Hạnh, Sài Gòn và Ngành Kế toán Thương nghiệp Đại học Kinh tế TPHCM.

### **Ông Mai Trọng Luận - Thành viên Ban Kiểm soát**

Ông Luận sinh ngày 10/07/1964. Ông hiện là Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Đại Á. Trước đây ông Luận công tác tại Cục Thuế Đồng Nai và là Thanh tra viên Sở Tài chính Đồng Nai.

Ông Luận có bằng Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng.

### **Ông Vũ Huy Nhân - Thành viên Ban Kiểm soát**

Ông Nhân sinh ngày 25/05/1964. Ông Nhân hiện là Phó giám đốc khối Nguồn vốn kiêm Trưởng phòng Ngoại tệ-Vàng Ngân hàng TMCP Đại Tín (TrustBank).

Trước đó, ông Nhân làm việc tại Ngân hàng TMCP Việt Á với các chức vụ Giám đốc Nguồn vốn và Giám đốc kinh doanh Ngoại tệ-Vàng tại, tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh TPHCM với các chức vụ Chuyên viên chính Tổ Thanh tra ngân hàng thương mại Nhà nước, Chuyên viên chính lĩnh vực quản lý ngoại hối...

Ông Nhân có bằng Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính-Tín dụng (Đại học Ngân hàng), Cử nhân Anh văn (Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM).

### **Hoạt động của Ban Kiểm soát**

Năm 2012, tình hình thị trường diễn biến không thuận lợi nhưng công ty cũng đã đạt được một số kết quả nhất định. Với trách nhiệm và quyền hạn của mình, trong năm qua Ban kiểm soát đã thực hiện việc kiểm tra tính hợp lý, tuân thủ các quy chế, điều lệ của công ty, tình hình tài chính và tuân thủ pháp luật, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Ban Kiểm soát thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính năm 2012 đã được Phòng Kế toán, Tổng Giám đốc của Công ty lập, và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam).



## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt ("Công ty") được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 14 tháng 8 năm 2013. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 34. Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho niên độ kết thúc cùng ngày nêu trên của Công ty đã được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác, mà báo cáo kiểm toán ngày 6 tháng 4 năm 2012 của đơn vị kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Một số khoản mục trên các báo cáo tài chính năm 2011 đã được điều chỉnh hồi tố như trình bày trong Thuyết minh 26 của các báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp, và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính do gian lận hoặc sai sót. Khi đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.



**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.

**Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc các vấn đề sau:

- Như trình bày trong Thuyết minh 2.2 của các báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số lỗ lũy kế của Công ty là 179.187.553.152 đồng, tương đương khoảng 72% vốn cổ phần của Công ty và dòng tiền từ hoạt động kinh doanh bị thâm hụt một khoản tiền 7.670.045.408 đồng. Mặc dù, một cổ động lớn của Công ty đã xác nhận bằng văn bản để cam kết hỗ trợ tài chính cho Công ty để Công ty có đủ khả năng thanh toán công nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động liên tục, những sự kiện này chứng tỏ sự hiện hữu của một tình trạng không chắc chắn, có tính trọng yếu, đưa đến điều rất hoài nghi về khả năng Công ty tiếp tục hoạt động trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục.
- Như trình bày trong Thuyết minh 3 của các báo cáo tài chính, bao gồm trong khoản mục tiền và tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là khoản tiền gửi tại một ngân hàng thương mại cổ phần số tiền là 227.291.471.313 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc là 192.000.000.000 đồng và lãi phát sinh là 35.291.471.313 đồng) liên quan đến ba hợp đồng tiền gửi kỳ hạn đã đến hạn từ tháng 11 năm 2011. Công ty chưa được hoàn trả các khoản tiền này do ngân hàng thương mại cổ phần này đang trong quá trình tái cấu trúc và hiện đang được giám sát bởi Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam. Vào ngày 24 tháng 5 năm 2013, ngân hàng thương mại cổ phần này đã gửi thư cho Công ty đề xuất một phương án hoàn trả theo tiến độ đến hết Quý 3 năm 2014 căn cứ theo đề án tái cấu trúc được Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam phê duyệt. Tuy nhiên, tại ngày báo cáo này, Công ty và ngân hàng thương mại cổ phần này vẫn đang trao đổi về phương án hoàn trả các khoản tiền gửi trên cũng như mức lãi suất được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng các khoản tiền này sẽ được thu hồi toàn bộ và do vậy không lập dự phòng cho các khoản tiền gửi quá hạn này. Khoản tiền này đã được loại trừ khỏi khoản mục tiền và tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ.



Ian S. Lydall  
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV  
Chủ tịch

Nguyễn Hoàng Nam  
Số chứng chỉ KTV: 0849/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)  
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số HCM3786  
Ngày 14 tháng 8 năm 2013

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2012 VNĐ	2011 VNĐ (Trình bày lại)
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>342.511.621.416</b>	<b>384.281.380.723</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	261.135.671.193	337.328.132.980
111	Tiền		75.187.642.456	10.028.132.980
112	Các khoản tương đương tiền		185.948.028.737	327.300.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5(a)	1.100.297.600	1.104.792.237
121	Đầu tư ngắn hạn		2.319.503.607	2.314.853.607
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.219.206.007)	(1.210.061.370)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		79.967.054.389	45.457.211.288
131	Phải thu khách hàng		54.000.000	54.000.000
132	Trả trước cho người bán		131.736.000	131.736.000
135	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6	49.942.428.054	136.138.712.974
138	Các khoản phải thu khác	7	116.912.725.364	1.398.457.912
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(87.073.835.029)	(92.265.695.598)
150	Tài sản ngắn hạn khác		308.598.234	391.244.218
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		230.424.000	336.097.573
158	Tài sản ngắn hạn khác		78.174.234	55.146.645
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>157.086.140.972</b>	<b>181.861.770.998</b>
220	Tài sản cố định		15.727.883.784	18.250.987.969
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	7.627.498.039	10.150.866.596
222	Nguyên giá		20.136.367.832	20.136.367.832
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.508.869.793)	(9.985.501.236)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	6.722.305.745	8.100.121.373
228	Nguyên giá		11.022.524.966	11.022.524.966
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.300.219.221)	(2.922.403.593)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9(c)	1.378.080.000	-
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5(b)	134.865.800.312	157.841.943.247
253	Đầu tư chứng khoán dài hạn		36.044.032.157	92.633.604.499
254	Chứng khoán sẵn sàng để bán		36.044.032.157	92.633.604.499
258	Đầu tư dài hạn khác		121.113.962.800	121.113.962.800
259	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(22.292.194.645)	(55.905.624.052)
260	Tài sản dài hạn khác		6.492.456.876	5.768.839.782
261	Chi phí trả trước dài hạn		1.006.761.719	1.684.230.417
263	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	4.244.303.522	3.500.170.930
268	Tài sản dài hạn khác		1.241.391.635	584.438.435
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>499.597.762.388</b>	<b>566.143.151.721</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2012 VND	2011 VND (Trình bày lại)
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>282.790.061.540</b>	<b>352.718.855.845</b>
310	Nợ ngắn hạn		282.790.061.540	352.718.855.845
312	Phải trả người bán		664.241.260	1.055.521.049
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	58.674.221	126.675.373
315	Phải trả người lao động		-	796.295
316	Chi phí phải trả		165.306.073	155.945.049
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	227.636.342.417	327.607.630.000
320	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	54.264.308.304	23.770.733.814
321	Phải trả hồ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		-	365.000
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.189.265	1.189.265
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>216.807.700.848</b>	<b>213.424.295.876</b>
410	Vốn chủ sở hữu		216.807.700.848	213.424.295.876
411	Vốn góp của chủ sở hữu	15	250.000.000.000	250.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần		138.575.000.000	138.575.000.000
417	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		4.047.627.000	4.047.627.000
418	Quỹ dự phòng tài chính		3.372.627.000	3.372.627.000
420	Lỗi lũy kế		(179.187.553.152)	(182.570.958.124)
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>499.597.762.388</b>	<b>566.143.151.721</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Mệnh giá tại ngày	
		31.12.2012 VND	31.12.2011 VND (Trình bày lại)
<b>2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ</b>	<b>002</b>	<b>30.233.146.506</b>	<b>37.450.000.000</b>
<b>6. Chứng khoán lưu ký</b>	<b>006</b>	<b>417.972.400.000</b>	<b>411.108.090.000</b>
Trong đó:			
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	394.002.700.000	400.963.490.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	6.433.410.000	27.858.340.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	378.945.260.000	365.710.890.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		8.624.030.000	7.394.260.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	554.940.000	1.596.290.000
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	554.940.000	1.596.290.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	22.906.000.000	7.582.200.000
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	905.600.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	22.906.000.000	6.676.600.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	508.760.000	966.110.000
6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	10.000
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	508.760.000	966.100.000
<b>7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	<b>050</b>	<b>68.600.860.000</b>	<b>54.457.060.000</b>
Trong đó:			
7.1. Chứng khoán giao dịch	051	68.587.360.000	54.443.560.000
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	21.310.750.000	21.310.000.000
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	47.270.610.000	33.127.560.000
7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		6.000.000	6.000.000
7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	13.500.000	13.500.000
7.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	057	13.500.000	13.500.000
<b>8. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán</b>		<b>19.835.085.000</b>	<b>19.807.480.000</b>




 Trần Thị Rồng  
Kế toán trưởng

 Hoàng Thị Tâm  
Tổng Giám đốc




**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
		2012 VND	(Trình bày)
01	Doanh thu	18.577.840.654	21.543.918
	<i>Trong đó:</i>		
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	5.241.219.102	2.432.772,1
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	17 2.161.785.599	6.945.198,1
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn	32.727.273	377.500,0
01.9	Doanh thu khác	18 11.142.108.680	11.788.448,3
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(17.128.217)	(6.433,27)
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	18.560.712.437	21.537.485.335
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	19 (8.661.720.501)	(10.562.634.607)
20	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	9.898.991.936	10.974.850.728
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	20 (6.544.814.526)	(68.396.999.424)
30	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	3.354.177.410	(57.422.148.696)
31	Thu nhập khác	29.227.562	38.717.696
32	Chi phí khác	-	(6.499.995)
40	Thu nhập khác – số thuần	29.227.562	32.217.701
50	Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	3.383.404.972	(57.389.930.995)
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	21 -	-
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	10 -	-
60	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	3.383.404.972	(57.389.930.995)
70	Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	135	(2.296)


  
Trần Thị Rõng  
Kế toán trưởng




  
Hoàng Thị Tâm  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
		2012 VND	2011 VND (Trình bày lại)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận/ (lỗ) trước thuế	3.383.404.972	(57.389.930.995)
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	3.901.184.185	3.698.557.693
03	(Hoàn nhập)/ trích các khoản dự phòng	(38.796.145.339)	50.217.284.042
05	Lãi/(lãi) từ hoạt động đầu tư	23.721.423.733	(5.143.512.133)
06	Chi phí lãi vay	-	839.202.863
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(7.790.132.449)	(7.578.398.530)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(29.322.632.532)	41.150.078.515
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	30.083.690.683	(23.836.935.689)
12	Giảm/(tăng) các chi phí trả trước	783.142.271	(1.085.690.521)
13	Tiền lãi vay đã trả	-	(839.202.863)
15	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	85.079.819
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.424.113.381)	(659.648.127)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(7.670.045.408)	7.235.282.604
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1.378.080.000)	(74.800.000)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	-	38.509.091
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26.781.609.000	2.026.483.649
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	6.086.539.609	7.738.543.492
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	31.490.068.609	9.728.736.232
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	-	145.582.550.000
34	Chi trả nợ gốc vay	-	(186.476.920.000)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	-	(40.894.370.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	23.820.023.201	(23.930.351.164)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 10.024.176.679	33.954.527.843
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	33.844.199.880	10.024.176.679



Trần Thị Rồng  
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Tâm  
Tổng Giám đốc



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

### 1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004900, ngày 16 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy hoạt động kinh doanh chứng khoán đầu tiên của Công ty số 15/UBCK-GPHĐCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 6 năm 2006. Giấy phép hoạt động mới nhất của Công ty số 49/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 8 năm 2011.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 57 nhân viên (2011: 66 nhân viên).

### 2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

#### 2.2 Nguyên tắc doanh nghiệp hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục mặc dù Công ty đã phát sinh lỗ lũy kế là 179.187.553.152 đồng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, và dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm một khoản 7.670.045.408 đồng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc đạt được lợi nhuận và khả năng tạo ra dòng tiền trong tương lai. Ngoài ra, một cổ đông chính của Công ty là một tổ chức tín dụng, đã xác nhận bằng văn bản trong thư cam kết hỗ trợ rằng cổ đông này sẽ tiếp tục hỗ trợ tài chính cho Công ty để Công ty có đủ khả năng thanh toán công nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động liên tục.

#### 2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

## 2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 2.5 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

### 2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

### 2.7 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị giảm trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm.

Trong năm, Ban lãnh đạo Công ty đã thay đổi phương pháp ước tính dự phòng nợ phải thu khó đòi. Trước năm 2012, Ban lãnh đạo Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài Chính ngày 7 tháng 12 năm 2009 áp dụng cho các doanh nghiệp. Hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa vào giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu tại ngày lập báo cáo tài chính. Ảnh hưởng của việc thay đổi ước tính kế toán này được trình bày ở Thuyết minh 26.

### 2.8 Các khoản đầu tư tài chính

#### (a) Phân loại

Công ty phân loại các khoản đầu tư thành hai nhóm: đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn. Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán kinh doanh. Đầu tư dài hạn bao gồm chứng khoán sẵn sàng để bán và đầu tư dài hạn khác.

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán niêm yết với mục đích kinh doanh.

Chứng khoán sẵn sàng để bán là các chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc để ứng phó với trường hợp thay đổi lãi suất, tỉ giá, hoặc giá trị chứng khoán.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vốn dưới 20% quyền biểu quyết vào các công ty chưa niêm yết được Công ty nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán.



**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**
**2.8 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**
**(b) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận**

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là tại ngày Công ty ký kết hợp đồng mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các khoản đầu tư đó.

**(c) Đánh giá**
*Đầu tư ngắn hạn - Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh đã niêm yết được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân của ngày giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

*Đầu tư dài hạn - Chứng khoán sẵn sàng để bán*

Dự phòng được lập cho các chứng khoán sẵn sàng để bán được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán sẵn sàng để bán này. Phương pháp xác định dự phòng giảm giá cho chứng khoán sẵn sàng để bán tương tự như chứng khoán kinh doanh.

*Đầu tư dài hạn khác*

Đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng được lập cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ trừ trường hợp các công ty bị lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

**2.9 Tài sản cố định**
*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Phương tiện vận tải	8 năm
Máy móc, thiết bị quản lý	8 năm
Tài sản cố định khác	8 năm
Bản quyền	8 năm
Phần mềm vi tính	8 năm

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## 2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 2.10 Thuê tài sản cố định

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### 2.11 Ghi nhận doanh thu

#### (i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán dựa trên mức phí quy định của Công ty nhưng không vượt mức quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

#### (ii) Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm thu nhập từ hoạt động tự doanh và cổ tức. Thu nhập từ hoạt động tự doanh là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán bán ra. Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

#### (iii) Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi thu được từ các hoạt động tạm ứng vốn cho nhà đầu tư và hoạt động giao dịch kỳ quỹ và cho khách hàng vay mua chứng khoán. Các khoản doanh thu này được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

### 2.12 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.



## 2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 2.12 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

### 2.13 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

### 2.15 Vốn có phần

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông hoặc quyền chọn được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	2012 VND	2011 VND (Trình bày lại)
Tiền mặt	32.150.545	23.794.210
Tiền gửi ngân hàng	75.155.491.911	10.004.338.770
Các khoản tương đương tiền	185.948.028.737	327.300.000.000
	<u>261.135.671.193</u>	<u>337.328.132.980</u>
Trong đó:		
<i>Tiền gửi của Công ty chứng khoán</i>	<i>14.871.362.889</i>	<i>1.010.093.159</i>
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư</i>	<i>244.066.750.903</i>	<i>333.140.594.969</i>
<i>Tiền gửi thanh toán bù trừ của nhà đầu tư</i>	<i>2.197.557.401</i>	<i>3.177.444.852</i>
	<u>261.135.671.193</u>	<u>337.328.132.980</u>
Trừ tiền gửi tại ngân hàng thương mại chưa thể thu hồi (*)	(227.291.471.313)	(327.303.956.301)
Tiền và tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<u>33.844.199.880</u>	<u>10.024.176.679</u>

- (\*) Đây là khoản tiền được một tổ chức tín dụng là một cổ đông lớn của Công ty ủy thác cho Công ty sử dụng theo hợp đồng ký vào ngày 1 tháng 8 năm 2011 (Thuyết minh 13 và Thuyết minh 23(b)). Theo đó, Công ty đã gửi số tiền này vào tài khoản tiền gửi kỳ hạn mở tại một ngân hàng thương mại cổ phần với thời hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất 14% một năm theo ba hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn. Các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn này đã quá hạn từ tháng 11 năm 2011. Tại ngày lập báo cáo tài chính, ngân hàng thương mại cổ phần này chưa thanh toán khoản tiền là 227.291.471.313 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc là 192.000.000.000 đồng và lãi phát sinh là 35.291.471.313 đồng) từ ba hợp đồng tiền gửi trên do việc ngân hàng này đang trong quá trình tái cấu trúc và hiện đang được giám sát bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Vào ngày 24 tháng 5 năm 2013, ngân hàng thương mại cổ phần này đã gửi thư cho Công ty đề xuất một phương án hoàn trả theo tiến độ đến hết Quý 3 năm 2014 căn cứ theo đề án tái cấu trúc được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt. Tuy nhiên, tại ngày báo cáo này, Công ty và ngân hàng này trao đổi về phương án hoàn trả các khoản tiền gửi trên cũng như mức lãi suất áp dụng. Ban lãnh đạo Công ty tin rằng các khoản tiền này sẽ được thu hồi toàn bộ và do đó việc trích lập dự phòng cho khoản tiền này là không cần thiết.



**4 GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VNĐ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VNĐ
a) Của Công ty Cổ phiếu niêm yết	2.145.430	26.786.259.000
b) Của nhà đầu tư Cổ phiếu Trái phiếu	266.864.053 14.985.000	2.813.718.355.300 1.438.266.076.884
	<u>283.994.483</u>	<u>4.278.770.691.184</u>

**5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31.12.2012	Giá trị theo sổ sách kế toán VNĐ	Số với giá thị trường		Giá thị trường VNĐ	Dự phòng VNĐ
		Tăng VNĐ	Giảm VNĐ		
(a) Đầu tư ngắn hạn	2.319.503.607	-	(1.219.206.007)	1.100.297.600	(1.219.206.007)
- Chứng khoán kinh doanh - cổ phiếu niêm yết (*)	2.319.503.607	-	(1.219.206.007)	1.100.297.600	(1.219.206.007)
(b) Đầu tư dài hạn	157.157.994.957	451.888	(22.292.194.645)	134.866.252.200	(22.292.194.645)
- Chứng khoán sẵn sàng để bán - cổ phiếu niêm yết (*)	36.044.032.157	451.888	(22.292.194.645)	13.752.289.400	(22.292.194.645)
- Đầu tư dài hạn khác	121.113.962.800	-	-	121.113.962.800	-
	<u>159.477.498.564</u>	<u>451.888</u>	<u>(23.511.400.652)</u>	<u>135.966.549.800</u>	<u>(23.511.400.652)</u>
Tại ngày 31.12.2011	Giá trị theo sổ sách kế toán VNĐ	Số với giá thị trường		Giá thị trường VNĐ	Dự phòng VNĐ
		Tăng VNĐ	Giảm VNĐ		
(a) Đầu tư ngắn hạn	2.314.853.607	-	(1.210.061.370)	1.104.792.237	(1.210.061.370)
- Chứng khoán kinh doanh - cổ phiếu niêm yết (*)	2.314.853.607	-	(1.210.061.370)	1.104.792.237	(1.210.061.370)
(b) Đầu tư dài hạn (Trình bày lại)	213.747.567.299	-	(55.905.624.052)	157.841.943.247	(55.905.624.052)
- Chứng khoán sẵn sàng để bán - cổ phiếu niêm yết (*)	92.633.604.489	-	(55.905.624.052)	36.727.980.447	(55.905.624.052)
- Đầu tư dài hạn khác	121.113.962.800	-	-	121.113.962.800	-
	<u>216.062.420.906</u>	<u>-</u>	<u>(57.115.685.422)</u>	<u>158.946.735.484</u>	<u>(57.115.685.422)</u>

(\*) Giá trị thị trường của cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được tính dựa vào giá bình quân của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị thị trường của cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

**6 PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Phải thu từ hoạt động giao dịch kỳ quỹ	1.671.102.613	118.190.907.916
Phải thu từ hoạt động ứng trước tiền bán	15.993.498.122	1.451.710.000
Phải thu từ hoạt động ứng trước tiền mua	32.277.827.319	15.376.488.850
Phải thu khác	-	1.119.606.208
	<u>49.942.428.054</u>	<u>136.138.712.974</u>
Dự phòng nợ khó đòi (Xem Thuyết minh 8)	-	(92.265.695.598)
	<u>49.942.428.054</u>	<u>43.873.017.376</u>

Phải thu giao dịch hoạt động chứng khoán thể hiện khoản phải thu nhà đầu tư liên quan đến các hoạt động hỗ trợ kinh doanh chứng khoán với nhà đầu tư.

**7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Phân loại lại từ các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (*)	116.344.124.145	-
Phải thu khác	568.601.219	1.398.457.912
	<u>116.912.725.364</u>	<u>1.398.457.912</u>
Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi (Xem Thuyết minh 8)	(87.073.835.029)	-
	<u>29.838.890.335</u>	<u>1.398.457.912</u>

(\*) Trong năm, Ban lãnh đạo Công ty đã phân loại lại khoản tiền là 116.344.124.145 đồng do không đủ điều kiện ghi nhận trong phải thu từ các giao dịch chứng khoán thành khoản phải thu khác.



**8 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÓI**

	2012 VND	2011 VND (Trình bày lại)
Số dư đầu năm	92.265.695.598	37.753.929.911
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 20)	-	54.511.765.687
Hoàn nhập dự phòng (Thuyết minh 20)	(5.191.860.569)	-
Số dư cuối năm	<u>87.073.835.029</u>	<u>92.265.695.598</u>

Số trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm được ước tính dựa vào giá trị tài sản đảm bảo của các nhà đầu tư.

**9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**
**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Phương tiện vận tải VND	Machinery, thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>16.728.095.866</u>	<u>3.298.189.498</u>	<u>110.082.468</u>	<u>20.136.367.832</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	8.161.326.900	1.778.243.584	45.930.752	9.985.501.236
Khấu hao trong năm	2.092.243.343	417.364.898	13.760.316	2.523.368.557
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>10.253.570.243</u>	<u>2.195.608.482</u>	<u>59.691.068</u>	<u>12.508.869.793</u>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	<u>8.566.768.966</u>	<u>1.519.945.914</u>	<u>64.151.716</u>	<u>10.150.866.596</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>6.474.525.623</u>	<u>1.102.581.016</u>	<u>50.391.400</u>	<u>7.627.498.039</u>

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 116.443.214 đồng (2011: 30.712.614 đồng).

**9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**
**(b) Tài sản cố định vô hình**

	Bản quyền VNĐ	Phần mềm máy vi tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	573.439.092	10.449.085.874	11.022.524.966
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	299.078.415	2.623.325.178	2.922.403.593
Khấu hao trong năm	71.679.888	1.306.135.740	1.377.815.628
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	370.758.303	3.929.460.918	4.300.219.221
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	274.360.677	7.825.760.696	8.100.121.373
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	202.680.789	6.519.624.956	6.722.305.745

**(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí đầu tư cho hệ thống giao dịch chứng khoán đang lắp đặt trong năm 2012. Hệ thống này được đưa vào sử dụng trong năm 2013.

**10 THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI**

Các khoản lỗ có thể được bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai trong vòng năm năm liên tục kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm	Tình trạng kiểm tra của cơ quan thuế	Lỗ tính thuế có thể được chuyển qua các năm sau VNĐ
2008	Đã quyết toán	(119.694.194.100)
2010	Chưa quyết toán	(3.592.745.088)
2011	Chưa quyết toán	(7.179.871.420)
2012	Chưa quyết toán	(2.628.430.456)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ thuế trên không được ghi nhận vì khả năng Công ty có lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để bù trừ với khoản lỗ này được đánh giá hiện nay là không chắc chắn.



**11 TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết định 102/VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và đóng thêm 0,01% hàng năm dựa trên doanh số giao dịch mỗi giới chứng khoán niêm yết và chứng khoán đăng ký giao dịch tại các sở giao dịch trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng mỗi năm.

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Số dư đầu năm	3.500.170.930	2.840.522.803
Tiền nộp bổ sung	-	500.337.557
Tiền lãi	744.132.592	159.310.570
Số dư cuối năm	<u>4.244.303.522</u>	<u>3.500.170.930</u>

**12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Thuế GTGT dịch vụ cung cấp	1.700.000	1.684.961
Thuế thu nhập cá nhân	56.974.221	51.416.912
Các loại thuế khác	-	73.573.500
	<u>58.674.221</u>	<u>126.675.373</u>

**13 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	2012 VNĐ	2011 VNĐ (Trình bày lại)
Phải trả một cổ đông lớn của Công ty (Thuyết minh 3, Thuyết minh 23(b)) (*)	192.000.000.000	312.558.304.186
Lãi tiền gửi từ khoản tiền ủy thác của Cổ đông lớn (Thuyết minh số 23(b)) (*)	35.243.699.417	14.741.695.814
Phải trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	307.630.000	307.630.000
Bảo hiểm xã hội	803.000	-
Phải trả khác	84.210.000	-
	<u>227.636.342.417</u>	<u>327.607.630.000</u>

(\*) Các khoản tiền này thể hiện số lãi quá hạn phải trả và tiền gốc quá hạn phải trả liên quan đến hợp đồng ủy thác được ký vào ngày 1 tháng 8 năm 2011 giữa Công ty và một tổ chức tín dụng là một cổ đông lớn của Công ty (Thuyết minh 3).

**14 PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Phải trả Sở giao dịch, Trung tâm lưu ký chứng khoán	88.652.732	78.296.863
Tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng chờ thanh toán	26.840.255.000	11.021.794.000
Tiền gửi trong tài khoản kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư	27.317.803.699	12.666.686.650
Tiền gửi trong tài khoản kinh doanh chứng khoán của Cổ đông lớn (Thuyết minh 23(b))	17.596.873	3.956.301
	<u>54.264.308.304</u>	<u>23.770.733.814</u>

**15 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**
**(a) Số lượng cổ phiếu**

	2012 Cổ phiếu phổ thông	2011 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	<u>25.000.000</u>	<u>25.000.000</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>25.000.000</u>	<u>25.000.000</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>25.000.000</u>	<u>25.000.000</u>

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Theo giấy phép thành lập và hoạt động số 15/UBCK-GP ngày 28 tháng 6 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh số 97/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 250.000.000.000 đồng (hai trăm năm mươi tỷ đồng), tương đương 25.000.000 cổ phần, mỗi cổ phần mệnh giá là 10.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tình hình góp vốn điều lệ của Công ty như sau:

	2012		2011	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Phần vốn tổ chức	8.339.150	33	8.339.150	33
Phần vốn của cá nhân	16.660.850	67	16.660.850	67
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>25.000.000</u>	<u>100</u>	<u>25.000.000</u>	<u>100</u>



**16 LÃI/(LỖ) TRÊN CỔ PHIẾU**
**Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận/(lỗ) thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm:

	2012	2011
Lợi nhuận/(lỗ) thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	3.383.404.972	(57.389.930.995)
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	25.000.000	25.000.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	<u>135</u>	<u>(2.296)</u>

**17 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN, GÓP VỐN**

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Thu nhập cổ tức	2.161.785.599	6.612.199.950
Lãi từ mua bán chứng khoán dài hạn	-	332.998.239
	<u>2.161.785.599</u>	<u>6.945.198.189</u>

**18 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	2012 VNĐ	2011 VNĐ (Trình bày lại)
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.924.754.010	1.126.343.542
Lãi từ hoạt động ứng tiền bán cho nhà đầu tư	1.767.759.446	547.239.157
Doanh thu từ hoạt động giao dịch ký quỹ và cho khách hàng vay mua chứng khoán	5.396.595.224	9.801.088.575
Doanh thu khác	53.000.000	313.777.078
	<u>11.142.108.680</u>	<u>11.788.448.352</u>

**19 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	2012 VNĐ	2011 VNĐ (Trình bày lại)
Chi phí nhân viên	5.048.153.134	4.108.662.643
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.470.603.087	2.466.529.285
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	2.350.895.639	2.034.380.685
Chi phí lãi vay	-	839.202.863
Chi phí thuê văn phòng	1.460.723.940	2.023.227.767
Lỗ từ thanh lý chứng khoán dài hạn	29.807.963.342	2.595.031.359
Lỗ từ mua bán chứng khoán ngắn hạn	-	27.824.075
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(33.604.284.770)	(4.294.481.645)
Chi phí khác	1.127.666.129	762.257.575
	<u>8.661.720.501</u>	<u>10.562.634.607</u>

**20 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2012 VNĐ	2011 VNĐ (Trình bày lại)
Chi phí nhân viên quản lý	4.883.485.113	5.283.070.823
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.430.581.098	1.432.028.408
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh 8)	(5.191.860.569)	54.511.765.687
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	2.647.982.264	2.920.501.212
Chi phí thuê văn phòng	1.110.510.720	1.248.420.550
Chi phí bằng tiền khác	1.664.115.900	3.001.212.744
	<u>6.544.814.526</u>	<u>68.396.999.424</u>



**21 THUẾ**

Số thuế trên lợi nhuận/(lỗ) trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng được thể hiện như sau:

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	3.383.404.972	(57.389.930.995)
Thuế tính ở thuế suất 25%	845.851.243	(14.347.482.749)
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(540.446.400)	(1.653.049.988)
Chi phí không được khấu trừ	(962.512.457)	14.205.564.882
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	657.107.614	1.794.967.855
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**22 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Các hoạt động của Công ty có thể khiến cho Công ty chịu một số rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**(1) Rủi ro thị trường**
*Rủi ro giá*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, danh mục đầu tư, định kỳ đánh giá lại danh mục, tuân thủ các nguyên tắc và giới hạn trong quy chế đầu tư. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu giá các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ cao hơn 1.390.168.750 đồng/ thấp hơn 2.609.374.757 đồng tương ứng.

**22 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**
**(2) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Công ty. Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác.

Không có các nhóm tài sản tài chính khác quá hạn và/hoặc giảm giá ngoại trừ các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại chưa thể thu hồi (Thuyết minh 3) và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác. Các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác quá hạn như sau:

	2012 VND	2011 VND
Quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	-	54.434.000.000
Quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	54.434.000.000	7.512.207.000
Quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	7.400.744.400	44.284.657.766
Quá hạn trên 3 năm	44.205.379.745	-
	<u>106.040.124.145</u>	<u>106.230.864.766</u>

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng được xác định là có giảm giá và sự tăng giảm dự phòng khoản giảm giá liên quan như sau:

	2012 VND	2011 VND
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	49.942.428.054	136.138.712.974
Phải thu khác	116.912.725.364	1.398.457.912
	<u>166.855.153.418</u>	<u>137.537.170.886</u>
Trừ: Dự khoản giảm giá (Thuyết minh 8)	87.073.835.029	92.265.695.598
	<u>79.781.318.389</u>	<u>45.271.475.288</u>

Các khoản phải thu khách hàng bị giảm giá chủ yếu phát sinh từ các khoản phải thu liên quan đến hoạt động hỗ trợ khách hàng kinh doanh chứng khoán.



**22 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**
**(3) Rủi ro thanh khoản**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có khoản nợ tài chính bao gồm phải trả người bán, phải trả giao dịch chứng khoán, và phải trả khác với số tiền là 282.730.198.054 đồng (2011: 352.589.829.912 đồng) là dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn ít hơn 1 năm.

**23 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**
**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
<i>i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ</i>		
<b>Cổ đông lớn</b>		
Doanh thu từ phí môi giới chứng khoán	63.203.659	210.926.510
<i>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</i>		
<b>Cổ đông lớn</b>		
Phi thuê văn phòng	2.571.234.660	1.650.744.817
<i>iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</i>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	1.220.700.000	1.621.645.667
<i>iv) Hoạt động khác</i>		
<b>Cổ đông lớn</b>		
Nhận tiền ủy thác từ một cổ đông lớn (*)	-	327.300.000.000
Hoàn trả cho cổ đông lớn	93.622.346.100	-
Lãi tiền gửi đã trả cho cổ đông lớn	6.390.138.888	-





**25 CAM KẾT MUA TÀI SẢN**

Công ty có các cam kết thanh toán cho việc thực hiện hợp đồng mua tài sản cố định nhưng không thể hiện trong các báo cáo tài chính như sau do khối lượng công việc chưa được thực hiện:

	2012 VND	2011 VND
Mua tài sản cố định	3.215.520.000	-

**26 ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ**

Một số chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được phân loại lại, trình bày lại để phản ánh việc thay đổi phương pháp trích lập dự phòng (Thuyết minh 2.7) và để phù hợp với cách trình bày của năm hiện tại.

Thuyết minh các khoản mục trình bày lại liên quan đến số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

STT	Diễn giải	Ảnh hưởng đến	
		BCĐKT	KQHĐKD
		Ghi nợ/(Ghi có)	Ghi nợ/(Ghi có)
1	Trình bày lại khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng là khoản tương đương tiền trên bảng cân đối kế toán		
	Giảm khoản tiền	(327.300.000.000)	-
	Tăng các khoản tương đương tiền	327.300.000.000	-
2	Ghi nhận chi phí dự phòng các khoản phải thu theo giá trị thu hồi của tài sản đảm bảo		
	Tăng khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(66.535.027.029)	-
	Tăng khoản lỗ lũy kế đầu năm	12.530.879.921	-
	Tăng khoản chi phí quản lý		54.004.147.108

## 26 ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (tiếp theo)

STT	Diễn giải	Ảnh hưởng đến	
		BCĐKT	KQHĐKD
		Ghi nợ/(Ghi có)	Ghi nợ/(Ghi có)
3	Phân loại lại các khoản đầu tư vào các tổ chức chưa niêm yết thành khoản đầu tư tài chính dài hạn khác Tăng khoản đầu tư tài chính dài hạn khác Giảm khoản chứng khoán sẵn sàng để bán	121.113.962.800 (121.113.962.800)	- -
4	Ghi nhận tách biệt hai quỹ bắt buộc Tăng quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Giảm quỹ dự phòng tài chính	(4.047.627.000) 4.047.627.000	- -
5	Loại khoản thu nhập và chi phí liên quan đến các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn theo bản chất của giao dịch Giảm khoản doanh thu khác Giảm khoản chi phí hoạt động kinh doanh		14.602.326.883 (14.602.326.883)
6	Phân loại lại khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán vào giảm chi phí hoạt động do đã được ghi nhận theo Thông tư 130/2008/TT-BTC Giảm khoản doanh thu khác Giảm khoản chi phí hoạt động kinh doanh		4.863.814.959 (4.863.814.959)
7	Phân loại lại chi phí khấu hao phân bổ vào chi phí hoạt động Tăng khoản chi phí hoạt động kinh doanh Giảm khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		2.466.529.285 (2.466.529.285)
8	Phân loại lại chi phí thuê văn phòng phân bổ vào chi phí hoạt động Tăng khoản chi phí hoạt động kinh doanh Giảm khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		1.278.524.567 (1.278.524.567)
9	Phân loại lại khoản tiền gốc phải trả cổ đông lớn từ khoản phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán sang khoản phải trả khác Tăng khoản phải trả khác Giảm khoản phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán		(312.558.304.186) 312.558.304.186



## 26 ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (tiếp theo)

Ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh trên đến bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện như sau:

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (dạng rút gọn)

Mã số	TÀI SẢN	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011		
		Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh VND	Trình bày lại VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN	450.816.407.752	(66.535.027.029)	384.281.380.723
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	337.328.132.980	-	337.328.132.980
111	Tiền	337.328.132.980	(327.300.000.000)	10.028.132.980
112	Các khoản tương đương tiền	-	327.300.000.000	327.300.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	111.992.238.317	(66.535.027.029)	45.457.211.288
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(25.730.668.569)	(66.535.027.029)	(92.265.695.598)
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	157.841.943.247	-	157.841.943.247
254	Chứng khoán sẵn sàng để bán	213.747.567.299	(121.113.962.800)	92.633.604.499
258	Đầu tư dài hạn khác	-	121.113.962.800	121.113.962.800
270	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>632.678.178.750</b>	<b>(66.535.027.029)</b>	<b>566.143.151.721</b>
300	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>279.959.322.905</b>	<b>-</b>	<b>352.718.855.845</b>
310	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>279.959.322.905</b>	<b>-</b>	<b>352.718.855.845</b>
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15.049.325.814	312.558.304.186	327.607.630.000
320	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	336.329.038.000	(312.558.304.186)	23.770.733.814
400	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>279.959.322.905</b>	<b>(66.535.027.029)</b>	<b>213.424.295.876</b>
410	Vốn chủ sở hữu	279.959.322.905	(66.535.027.029)	213.424.295.876
417	Quý dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	4.047.627.000	4.047.627.000
418	Quý dự phòng tài chính	7.420.254.000	(4.047.627.000)	3.372.627.000
420	Lỗi lụy kế	(116.035.931.095)	(66.535.027.029)	(182.570.958.124)
440	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>632.678.178.750</b>	<b>(66.535.027.029)</b>	<b>566.143.151.721</b>

## 26 ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (tiếp theo)

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (dạng rút gọn)

Mã số		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011		
		Theo báo cáo trước đây VNĐ	Điều chỉnh VNĐ	Trình bày lại VNĐ
01	Doanh thu	41.010.060.452	(19.466.141.842)	21.543.918.610
	Trong đó:			
01.9	Doanh thu khác	31.254.590.194	(19.466.141.842)	11.788.448.352
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	41.003.627.177	(19.466.141.842)	21.537.485.335
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	(26.283.722.597)	15.721.087.990	(10.562.634.607)
20	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	14.719.904.580	(3.745.053.852)	10.974.850.728
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(18.137.906.168)	(50.259.093.256)	6.999.424)
30	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	(3.418.001.588)	(54.004.147.108)	(57.422.148.696)
50	Tổng lỗ kế toán trước thuế	(3.385.783.887)	(54.004.147.108)	(57.389.930.995)
60	Lỗ sau thuế TNDN	(3.385.783.887)	(54.004.147.108)	(57.389.930.995)



**26 ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (tiếp theo)**
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (dạng rút gọn)**

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011				
Mã số		Theo báo cáo		
		trước đây VND	Điều chỉnh VND	Trình bày lại VND
<b>1</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lỗ trước thuế	(3.385.783.887)	(54.004.147.108)	(57.389.930.995)
	Điều chỉnh cho các khoản			
03	(Hoàn nhập)/ trích các khoản dự phòng	(3.786.883.088)	54.004.147.108	50.217.264.042
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(22.372.879.471)	17.229.367.338	(5.143.512.133)
06	Chi phí lãi vay	15.950.988.332	(15.111.785.469)	839.202.863
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(9.695.980.399)	2.117.581.869	(7.578.398.530)
09	Giảm các khoản phải thu	38.713.937.888	2.436.140.927	41.150.078.815
11	Tăng(giảm) các khoản phải trả	304.270.775.948	(328.107.711.637)	(23.836.935.689)
13	Tiền lãi vay đã trả	(15.950.988.332)	15.111.785.469	(839.202.863)
15	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	32.687.244.002	(32.602.164.183)	85.079.819
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(28.799.031.815)	28.139.363.688	(859.668.127)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	320.140.266.471	(312.904.983.867)	7.235.282.604
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.026.483.649	2.026.483.649
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	24.532.080.376	(16.793.536.883)	7.738.543.492
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	24.495.789.466	(14.767.053.234)	9.728.736.232
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(368.080.800)	368.080.800	
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(41.262.450.800)	368.080.800	(40.894.370.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	303.373.605.137	(327.303.956.301)	(23.930.351.164)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	337.328.132.980	(327.303.956.301)	10.024.176.679

**27 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Trong tháng 6 năm 2013, ba nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Chi nhánh Hà Nội của Công ty đã khiếu nại Công ty vì mất tiền trong tài khoản kinh doanh chứng khoán của họ với tổng số tiền là 2.048.000.000 đồng. Phó Giám đốc Công ty phụ trách chi nhánh Hà Nội đã thực hiện chuyển khoản tiền này từ các tài khoản kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư sang tài khoản kinh doanh chứng khoán của Ông mà chưa có sự đồng ý, xác nhận của các cá nhân này. Các giao dịch này phát sinh từ tháng 2 năm 2013 đến tháng 4 năm 2013.

Tại ngày báo cáo này, Công ty và các cơ quan điều tra đang trong quá trình làm việc để điều tra sự việc trên. Công ty cam kết hoàn trả các khoản tiền này cho các nhà đầu tư khi có kết quả điều tra từ các cơ quan có thẩm quyền.

Kể từ khi sự kiện trên xảy ra, bất cứ các giao dịch chứng khoán và bất kỳ giao dịch chuyển tiền của nhà đầu tư nào tại Chi nhánh Hà Nội phải được Hội Sở tại Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt.

Ngoài ra, vào ngày 19 tháng 7 năm 2013, Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước đã có công văn số 459/QĐ-UBCK quyết định phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền là 340.000.000 đồng. Đồng thời, Công ty còn bị đình chỉ hoạt động môi giới trong thời gian từ ngày 29 tháng 7 năm 2013 đến ngày 2 tháng 8 năm 2013.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Ban Tổng Giám đốc duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2013.

Trần Thị Rõng  
Kế toán trưởng



Hoàng Thị Tâm  
Tổng Giám đốc

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**HỨA XƯƠNG**